

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2016/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Chính sách Khuyến công trên địa bàn
thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính Phủ về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Liên Bộ Tài chính - Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa IX, Kỳ họp thứ hai về việc quy định Chính sách Khuyến công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1776/TTr-SCT ngày 14 tháng 10 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Chính sách Khuyến công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên minh Hợp tác xã thành phố, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường trên địa bàn thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Huỳnh Đức Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách Khuyến công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33 /2016/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này quy định nội dung và mức chi hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động khuyến công địa phương; quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương để khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tham gia phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (sau đây gọi chung là hoạt động khuyến công).

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng bao gồm:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh thành lập theo quy định của pháp luật có trụ sở đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và có hoạt động đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại địa bàn các xã thuộc huyện Hòa Vang; các phường trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gồm: phường Hòa Hải, Hòa Quý thuộc Quận Ngũ Hành Sơn và phường Hòa Hiệp Nam, Hòa Hiệp Bắc, Hòa Khánh Nam thuộc Quận Liên Chiểu; các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh thuộc các làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thành lập và hoạt động theo nguyên tắc và quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Tổ hợp tác thuộc lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thành lập và hoạt động theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác.

(sau đây gọi tắt là cơ sở công nghiệp nông thôn)

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình khuyến công địa phương là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố trong từng giai đoạn (thường là 05 năm) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động tại địa phương.

2. Kế hoạch khuyến công địa phương là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công địa phương trong từng giai đoạn, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được.

3. Đề án khuyến công địa phương là đề án do Sở Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương để triển khai các hoạt động khuyến công địa phương theo kế hoạch do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu là sản phẩm do các cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất, có chất lượng, giá trị sử dụng cao; có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường; đáp ứng được một số tiêu chí cơ bản về kinh tế, kỹ thuật, xã hội; về sử dụng nguồn nguyên liệu; giải quyết việc làm cho người lao động và đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

5. Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp là việc áp dụng các giải pháp về quản lý, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường.

6. Dịch vụ khuyến công là các dịch vụ cần triển khai để thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4, Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công.

7. Đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp lập đề án khuyến công và tổ chức thực hiện đề án theo kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm.

8. Đơn vị thụ hưởng là tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công quốc gia.

Điều 3. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động khuyến công địa phương

1. Ngân sách thành phố cấp hằng năm theo Kế hoạch.
2. Tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
3. Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công địa phương

1. Kinh phí khuyến công địa phương đảm bảo chi cho những hoạt động khuyến công do Sở Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện trên địa bàn, phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của thành phố.

2. Đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu (nếu đủ điều kiện) theo quy định.

3. Các tổ chức và cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, đúng các quy định hiện hành của pháp luật; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định.

CHƯƠNG II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG

Điều 5. Nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công địa phương

1. Chi đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Mức chi áp dụng theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định chính sách hỗ trợ học nghề đối với lao động thuộc diện chính sách, xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Mức hỗ trợ 100% tổng chi phí nhưng tổng chi phí không quá 200 triệu đồng/khóa đào tạo.

2. Chi tổ chức tập huấn, hội thảo, diễn đàn để nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp áp dụng theo Nghị quyết số 120/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn và các quy định hiện hành khác có liên quan. Mức hỗ trợ 100% tổng chi phí nhưng tổng chi phí không quá 50 triệu đồng/hội thảo.

3. Chi tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, sản xuất sạch hơn để nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công. Mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 120/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn và các quy định hiện hành khác có liên quan. Mức hỗ trợ 100% tổng chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/lần.

4. Chi tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, sản xuất sạch hơn để nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí. Mức hỗ trợ 100% tổng chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/lần.

5. Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công áp dụng theo Thông tư số 101/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện các dự án, chương trình thuộc Đề án “Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm giai đoạn 2008-2015”. Mức hỗ trợ 100% tổng chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/hội thi.

6. Chi tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác khuyến công áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Mức hỗ trợ 100% tổng chi phí nhưng không quá 15 triệu đồng/người.

7. Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực khuyến công áp dụng theo Thông tư số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Mức hỗ trợ 100% tổng chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/đơn vị.

8. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, điều 1 quy định này, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

9. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình.

10. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở.

11. Chi hỗ trợ đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở công nghiệp thực hiện theo Thông tư số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày 24/12/2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công thương hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020. Mức chi tối đa 50% chi phí tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

12. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ tại thành phố Đà Nẵng

a) Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn thành phố tham gia hội chợ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/đơn vị tham gia đối với hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu và không quá 8.000.000 đồng/đơn vị tham gia đối với hội chợ triển lãm khác.

b) Hỗ trợ 100% phí sử dụng lề đường, bến bãi, mặt nước để quảng bá, tuyên truyền về hội chợ trên băng rôn, phướn treo tại khu vực tổ chức hội chợ triển lãm và các tuyến đường trên địa bàn thành phố. Số lượng tối đa không quá 150 băng rôn và 500 phướn/01 đợt hội chợ triển lãm.

13. Chi tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ tại các tỉnh, thành trong nước.

a) Đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng (không quá 02 gian hàng); 100% chi phí trang trí gian hàng chung của thành phố tham gia hội chợ triển lãm, chi phí vận chuyển tư liệu, hàng hóa trưng bày chung của thành phố và công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì (tối đa không quá 02 người).

b) Đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng riêng tại hội chợ triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/đơn vị tham gia đối với hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu và không quá 8.000.000 đồng/đơn vị tham gia đối với hội chợ triển lãm khác.

14. Chi tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ tại nước ngoài

a) Đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công: Hỗ trợ 100% chi phí tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài, bao gồm: chi phí thuê gian hàng chung của thành phố Đà Nẵng; chi phí trang trí, vận chuyển tư liệu, hàng hóa trưng bày chung của thành phố, chi phí làm thủ tục hải quan cho hàng hóa trưng bày chung của thành phố; Hỗ trợ 100% công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì để thực hiện công tác tổ chức, quản lý đoàn, cụ thể: hỗ trợ cho 01 người đối với đoàn có dưới 08 đơn vị tham gia, 02 người đối với đoàn có từ 08-15 đơn vị tham gia, 03 người đối với đoàn có từ 15 đơn vị tham gia trở lên.

b) Đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng riêng tại hội chợ triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/đơn vị tham gia tại khu vực Châu Á; 40 triệu đồng/đơn vị tham gia tại khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 50 triệu đồng/đơn vị tham gia tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

15. Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu:

- Chi cho tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố, quận, huyện. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/lần đối với cấp thành phố; 30 triệu đồng/lần đối với quận, huyện.

- Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: Đạt giải cấp thành phố thưởng không quá 3 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp quận, huyện thưởng không quá 2 triệu đồng/sản phẩm.

16. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/thương hiệu.

17. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

18. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh về khuyến công; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rời, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng

khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với các cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ 100% tổng chi phí nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/chương trình.

19. Chi hỗ trợ thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp thành phố và cấp quận, huyện. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 30 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp thành phố và không quá 15 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp quận, huyện.

Điều 6. Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quy định này đầu tư sản xuất vào các ngành, nghề sau đây được hưởng các chính sách khuyến công theo các điều kiện được quy định tại Điều 7 Quy định này, bao gồm:

- a) Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và chế biến thực phẩm;
 - b) Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu;
 - c) Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung sử dụng công nghệ nung bằng lò nung thủ công, lò thủ công cải tiến, lò vòng gây ô nhiễm môi trường);
 - d) Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp;
 - đ) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy móc thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ;
 - e) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp.
2. Các ngành nghề và sản phẩm ưu tiên như sau:
- a) Công nghiệp chế biến nông-lâm-thủy sản;
 - b) Công nghiệp hỗ trợ;
 - c) Công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn;
 - d) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;
 - đ) Các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đã được cấp giấy chứng nhận;
 - e) Các sản phẩm đã có hợp đồng xuất khẩu.

Điều 7. Điều kiện để được xét hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại Điều 5 và ngành nghề hỗ trợ phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Đề án khuyến công được lập theo quy định tại Điều 12 của Quy định này có nội dung phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của thành phố; phù hợp với Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn.

3. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án có đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ THẨM ĐỊNH, XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Điều 8. Trình tự xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương

1. Hằng năm, Sở Công Thương có công văn thông báo đến các UBND, Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng của các quận, huyện trên địa bàn và Trung tâm Khuyến công tư vấn Phát triển công nghiệp thành phố đề nghị đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương cho năm sau gửi về Sở Công Thương (thông qua Phòng Quản lý Công nghiệp) trước ngày 01 tháng 8.

Hồ sơ gồm có:

a) Công văn đăng ký Kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương: 01 bản chính;

b) Báo cáo kết quả công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công năm hiện tại; Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công năm sau: 01 bản chính;

c) Bảng tổng hợp chi tiết các đề án đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương (mẫu số 01): 01 bản chính.

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

2. Sở Công Thương xem xét, bổ sung nhiệm vụ, đề án khuyến công địa phương khác (nếu có), hoàn thành kế hoạch khuyến công địa phương cho kế hoạch và tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 8 của năm trước năm kế hoạch. Sở Tài chính xem xét, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của thành phố báo cáo UBND thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí ngân sách địa phương.

Điều 9. Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi UBND thành phố có quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ khuyến công địa phương cho năm kế hoạch, Sở Công Thương gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương đến các đơn vị có đề án khuyến công đăng ký thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương trong năm kế hoạch, yêu cầu hoàn thiện hồ sơ

đề nghị hỗ trợ gửi về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp thành phố) đề tổng hợp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo tiếp nhận hồ sơ.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm có:

a) Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (mẫu số 02): 01 bản chính;
b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dăng ký kinh doanh hộ cá thể hoặc quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao;

c) Đề án khuyến công (mẫu số 03): 01 bản chính;

d) Các tài liệu có liên quan khác phù hợp với từng dạng đề án (vận dụng Danh mục các tài liệu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia trong quá trình thẩm định): 01 bản chính;

đ) Tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (đơn vị thụ hưởng) đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án khuyến công sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ: 01 bản chính;

e) Các tài liệu quy định tại điểm a, b và điểm đ khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các đề án do Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các quận, huyện và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực tiếp thực hiện.

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp thành phố tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này và lập hồ sơ đề nghị phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương năm kế hoạch gửi Sở Công Thương (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

Hồ sơ gồm có:

- Công văn đề nghị phê duyệt dự toán: 01 bản chính;
- Bảng dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương (mẫu số 04): 01 bản chính;

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 điều này của các đơn vị;

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tiến hành thẩm định đối với các đề án khuyến công xin hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương trình Giám đốc Sở (hoặc Phó Giám đốc nếu được ủy quyền) xem xét. Phiếu thẩm định đề án khuyến công địa phương lập theo mẫu số 05a và mẫu số 05b đính kèm Quy định này.

c) Trên cơ sở kết quả thẩm định đề án khuyến công địa phương, căn cứ dự toán được giao, trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở Công Thương lập dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho năm kế hoạch chi tiết theo đơn vị và nội dung quy định tại Điều 5 Quy định này gửi Sở Tài Chính thẩm định làm cơ sở giao dự toán cho các đơn vị thực hiện.

d) Trong vòng 05 ngày làm việc, Sở Tài chính xem xét, có ý kiến thẩm định đối với dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho năm kế hoạch do Sở Công Thương đề nghị.

đ) Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Công Thương tổng hợp và ban hành quyết định phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho năm kế hoạch. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp thành phố thông báo phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương năm kế hoạch của Giám đốc Sở Công Thương cho các đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 10. Nội dung thẩm định đề án khuyến công:

1. Mức độ phù hợp của đề án khuyến công với các nguyên tắc quy định tại Điều 4, Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia và các điều khoản quy định tại Quy định này.

2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả kinh tế - xã hội của đề án khuyến công; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác;

3. Năng lực của đơn vị thực hiện đề án;

4. Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

Điều 11. Hỗ trợ đột xuất, điều chỉnh và ngừng triển khai đề án

1. Khi có đề án bổ sung cần hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp phải có văn bản kèm theo hồ sơ quy định gửi Sở Công Thương thẩm định, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trình UBND thành phố xem xét, phân bổ kinh phí bổ sung để thực hiện.

2. Trường hợp cần điều chỉnh đề án thực hiện trong năm kế hoạch, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố báo cáo bằng văn bản nêu rõ lý do kèm theo hồ sơ đề án theo quy định tại Điều 9 của Quy định này gửi đến Phòng chuyên môn thuộc Sở Công Thương thành phố tiếp nhận, thẩm định theo quy trình và báo cáo Giám đốc Sở Công Thương ra quyết định điều chỉnh đề án trong dự toán kinh phí đã phê duyệt.

3. Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố báo cáo Sở Công Thương bằng văn bản để xem xét, quyết định phê duyệt ngừng thực hiện đề án.

Điều 12. Chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

1. Chấp hành dự toán:

a) Căn cứ theo đơn vị và nội dung quy định tại quyết định phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho năm kế hoạch của Giám đốc Sở Công Thương thành phố, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp thành phố tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện đề án khuyến công với các đơn vị liên quan và tổ chức thực hiện.

b) Trên cơ sở hợp đồng thực hiện đề án khuyến công, Trung tâm Khuyến Công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch theo mức tạm ứng được quy định tại Điều 15 của Quy định này.

c) Kho bạc nhà nước thực hiện tạm ứng, thanh toán kinh phí cho từng nhiệm vụ theo chế độ hiện hành và các quy định tại Quy định này. Mức tạm ứng cho các đề án, nhiệm vụ khuyến công không quá 70% mức kinh phí được duyệt theo từng nội dung thực hiện tại quyết định phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho năm kế hoạch của Giám đốc Sở Công Thương thành phố.

2. Công tác hạch toán, quyết toán kinh phí:

a) Đối với các nhiệm vụ khuyến công do Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố trực tiếp sử dụng kinh phí, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố có trách nhiệm hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khuyến công theo khoản mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

b) Đối với các nhiệm vụ khuyến công do Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố thực hiện thông qua hình thức ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ khi thực hiện thanh lý hợp đồng thực hiện đề án khuyến công địa phương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố phải hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán kinh phí thực hiện đề án tại Kho bạc nhà nước. Chứng từ căn cứ thanh quyết toán đề án khuyến công địa phương gồm:

- Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo bản sao quyết định phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương của Giám đốc Sở Công Thương.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (mẫu số 6);
- Biên bản thanh lý hợp đồng (mẫu số 7);
- Bảng kê chứng từ đề nghị quyết toán (mẫu số 08) kèm theo chứng từ chi của từng đề án (vận dụng quy định chứng từ gốc của một số hoạt động khuyến công quốc gia tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia trong quá trình thẩm định).

Khi thanh lý thực hiện đề án cuối cùng trong năm, ngoài các chứng từ quy định trên, đơn vị thực hiện đề án phải lập Bảng đối chiếu kinh phí theo mẫu số 09 tại Phụ lục biểu mẫu kèm theo Quy định này.

c) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố phải thực hiện quyết toán toàn bộ kinh phí khuyến công địa phương trong năm tại Kho bạc nhà nước. Quá thời hạn trên mà chưa quyết toán

xong thì Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố phải nộp trả kinh phí đã tạm ứng vào Kho bạc nhà nước.

Điều 13. Tạm ứng kinh phí

1. Đối với đề án tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề

Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án; kế hoạch tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề của đơn vị thụ hưởng.

2. Đối với các đề án hỗ trợ hoạt động: Tư vấn, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn; hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; tham quan khảo sát; xây dựng, đăng ký thương hiệu; thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; đánh giá sản xuất sạch hơn.

Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án; kế hoạch tổ chức thực hiện đề án của đơn vị thực hiện.

3. Đối với các đề án hỗ trợ: Tổ chức hội chợ, triển lãm; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; in tờ rơi, tờ gấp; các hình thức thông tin đại chúng khác.

Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án; kế hoạch tổ chức thực hiện đề án của đơn vị thực hiện.

4. Đối với các đề án hỗ trợ: hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn; đơn vị thực hiện đề án được tạm ứng kinh phí trong trường hợp xác định giá trị khối lượng công việc đã thực hiện tương ứng trên 50% tổng vốn đầu tư của đề án.

Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án, báo cáo tiến độ của đơn vị thực hiện đề án theo mẫu số 09.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện đối với hoạt động khuyến công

1. Sở Công Thương giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công theo các nội dung sau:

a) Chủ trì xây dựng, sửa đổi và trình UBND thành phố ban hành chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện địa phương.

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công địa phương từng giai đoạn trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c) Hàng năm lập kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí ngân sách địa phương.

d) Kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện các đề án, nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí khuyến công địa phương; xác nhận khối lượng công việc, kinh phí thực hiện tại các báo cáo tiến độ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm để đơn vị thực hiện đề án tạm ứng kinh phí theo Quy định này.

đ) Thẩm định, phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương hằng năm; nghiệm thu hoàn thành đối với các đề án sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố.

e) Đầu mối phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện hướng dẫn, xử lý những vướng mắc liên quan đến hoạt động khuyến công. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương.

g) Xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung, ngừng thực hiện đề án khuyến công địa phương theo quy định.

h) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến công.

i) Theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo (6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu) tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công gửi Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân thành phố.

k) Các nhiệm vụ khác quy định tại Quy định này.

2. Sở Tài chính:

a) Hằng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, trên cơ sở cân đối ngân sách, Sở Tài chính xem xét, tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương hàng năm vào phương án phân bổ ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí ngân sách địa phương.

b) Xem xét trình UBND thành phố phê duyệt kinh phí bổ sung đối với các đề án đề nghị hỗ trợ đột xuất theo quy định tại Quy định này.

c) Chủ trì thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương.

d) Thẩm định dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương hằng năm theo đề nghị của Sở Công Thương; làm cơ sở để Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương hằng năm và giao dự toán cho các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

3. Các Sở, ngành liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên minh Hợp tác xã, Hội nông dân thành phố Đà Nẵng.

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hỗ trợ cho việc phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức thực hiện Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án trên địa bàn theo đúng nội dung và tiến độ được phê duyệt.

Điều 15. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp

1. Chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý kinh phí khuyến công địa phương theo các nội dung quy định tại Quy định này.

2. Giúp Sở Công Thương khảo sát xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương; tổng hợp đề án, xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương hàng năm gửi Sở Công Thương theo quy định.

3. Hướng dẫn nghiệp vụ khuyến công đối với quận, huyện trên địa bàn thành phố để nâng cao hiệu quả công tác khuyến công.

4. Ký hợp đồng thực hiện đề án khuyến công, tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với các đơn vị thụ hưởng theo quy định. Thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện các đề án đã sử dụng kinh phí khuyến công địa phương theo đúng thời gian, thủ tục quy định.

5. Theo dõi, giám sát việc thực hiện các đề án khuyến công của các đơn vị thụ hưởng; Tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng khuyến công địa phương định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm gửi Sở Công Thương trước ngày 25 hằng tháng.

6. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về công tác khuyến công, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

7. Các nhiệm vụ khác quy định tại Quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện đề án

1. Tổ chức triển khai thực hiện đề án theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết; chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng đề án, các loại báo cáo và các văn bản liên quan khác của các đề án khuyến công.

2. Định kỳ hằng tháng báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đề án khuyến công về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp).

3. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện đề án khuyến công.

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có thành tích trong quản lý, sử dụng và tạo nguồn kinh phí khuyến công địa phương được xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Những tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí khuyến công địa phương thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan phổ biến Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố biết và thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vấn đề chưa phù hợp thì các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Đức Thơ